

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: **56/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 16/6/2022

V/v Xin ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Đoàn Thị Ngọc Hân

2. Bà Nguyễn Thị Bé Nga

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Trần Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:**  
Bà Võ Thị Huỳnh Nhung – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 116/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Trúc P, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Minh Đ, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

(Chị P có mặt, anh Đ vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các biên bản làm việc trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Trúc P trình bày:*

Chị và anh Đ chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống chị đã cố gắng nhẫn nhịn, chịu nhiều trận bạo hành, đánh đập từ anh Đ. Mọi trách nhiệm về tài chính cũng như chăm lo cho gia đình một mình chị gánh vác, thay vào đó anh Đ thường xuyên uống rượu, đánh đập chửi mắng, hăm dọa tính mạng chị và đuổi chị và các con ra ngoài, anh Đ còn kiểm soát mọi hành động, giờ giấc sinh hoạt cá nhân của chị.

Cũng từ những lý do trên chị nhận thấy không thể chung sống với anh Đ được nữa nên yêu cầu tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Minh Đ.

Về con chung: có 02 con chung là Lê Thị Quỳnh N, sinh năm 1997 và Lê Quang T, sinh năm 2003, hiện nay các con đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Trước đây hai vợ chồng chị có vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – Chi nhánh Bến Tre số tiền 200.000.000 đồng. Nay chị đã hoàn trả số nợ này xong nên vợ chồng chị không có nợ chung.

*Bị đơn anh Lê Minh Đ trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Đ đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh Đ.*

*Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:* Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Trúc P đối với anh Lê Minh Đ. Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Q, sinh năm 1997 và Lê Quang T, sinh năm 2003; các con chung đã trưởng thành, nên không xét đến. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận. Về nợ chung: Chị P và anh Đ đã hoàn trả nợ cho Ngân hàng xong nên không xét đến. Án phí đương sự nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị P có đơn yêu cầu xin được ly hôn với anh Lê Minh Đ. Bị đơn anh Đ hiện đang đăng ký thường trú tại xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Anh Lê Minh Đ được Tòa án triệu tập lần thứ hai để đưa vụ án ra xét xử nhưng anh Đ vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị P và anh Đ chung sống với nhau vào năm 2002 trên tinh thần tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre là phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị P và anh Đ lúc đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị P trình bày do anh Đ bạo hành, mọi trách nhiệm về tài chính sinh hoạt trong gia đình một mình chị P gánh vác, anh Đ thường xuyên uống rượu đánh đập, chửi mắng hăm dọa mạng sống của chị từ những lý do nêu trên chị Phương nhận thấy tình thương và hạnh phúc giữa chị với anh Đ không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Minh Đ.

Quá trình xác minh và làm việc đối với bà Trần Thị H thì bà xác nhận giữa hai vợ chồng Phương và Điền sống chung với nhau thương hay cự cãi, còn nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì bà không biết. P và Đ sống chung hay ly hôn thì tùy Đ quyết định.

Tòa án tiến hành đến tại nơi ở của anh Đ nhưng không gặp được anh Điền nên không ghi nhận được lời khai của anh Đ, đồng thời Tòa án đã triệu tập anh Điền nhiều lần nhưng anh Đ cũng không đến Tòa để tiến hành hòa giải và công khai chứng cứ chứng tỏ rằng anh Đ không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh Đ không thể tồn tại được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa chị P và anh Đ không đạt được. Vì vậy nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định.

[3] Về con chung: 02 con chung là Lê Thị Quỳnh N, sinh năm 1997; Lê Quang T, sinh năm 2003 hiện 02 con đã trưởng thành, nên không xét đến.

[4] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[5] Về nợ chung: Theo chị P khai, chị và anh Đ có vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – Chi nhánh Bến Tre số tiền 200.000.000 đồng hiện nay chị đã hoàn trả xong số nợ này cho Ngân hàng và Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – Chi nhánh Bến Tre cũng đã có văn bản trình bày chị P và anh Đ đã tất toán toàn bộ khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – Chi nhánh Bến Tre vào ngày 14/4/2022 nên Ngân hàng đề nghị không tiếp tục tham gia tố tụng tại tòa với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên chị P và anh Đ không có nợ chung.

[6] Về án phí: Chị P phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Trúc P ly hôn với anh Lê Minh Đ.
2. Về con chung: Cháu Lê Thị Quỳnh N, sinh năm 1997 và Lê Quang T, sinh năm 2003 các con đã trưởng thành nên không xét đến.
3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.
4. Về nợ chung: Không có nên không xét đến.
5. Về án phí: Chị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Số tiền án phí của chị P được trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006260 ngày 03/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị P đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã B.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký tên và đóng dấu)**

**Nguyễn Quốc Tuấn**